

Số: /2020/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Quy định về phí khai thác và sử dụng
tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH/13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 33/2013/TT-BTNMT ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật lưu trữ tài liệu đất đai;

Căn cứ Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Thông tư số 85/2020/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số ... /TTr-UBND ngày .../.../2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc quy định phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua quy định về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với một số nội dung như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai bao gồm: Hồ sơ cấp giấy, Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, Hồ sơ đo đạc địa chính, Hồ sơ thông kê, kiểm kê đất đai ... (các loại tài liệu đất đai được ghi tại điểm 1.2 Khoản 1 Mục 1 chương 2 Thông tư số 33/2013/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 25/10/2013).

b) Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Người sử dụng đất có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu đất đai được cơ quan quản lý hồ sơ cung cấp dịch vụ *(theo quy định tại Điều 5 Luật Đất đai năm 2013)*.

2. Đối tượng miễn nộp phí

a) Lãnh đạo Đảng, Nhà nước trực tiếp yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai để phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh.

b) Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan của Đảng, các cơ quan tài nguyên và môi trường ở địa phương, UBND các cấp trong trường hợp yêu cầu cung cấp tài liệu về đất đai để thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về đất đai.

c) Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng các loại tài liệu đất đai trong các trường hợp sau: Danh mục dữ liệu có trong cơ sở dữ liệu đất đai; Thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; Khung giá đất, bảng giá đất đã công bố; Thông tin về các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai; Các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai.

d) Người có công với cách mạng, người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặt biệt khó khăn và các hộ nghèo trên địa bàn tỉnh.

3. Mức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai:

BẢNG MỨC THU PHÍ

ĐVT: đồng

STT	LOẠI TÀI LIỆU	ĐVT	MỨC THU PHÍ (Đồng)			
			Cung cấp trực tiếp		Cung cấp qua đường bưu điện, trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử	
			Đối với thông tin dạng giấy	Đối với thông tin dạng số	Đối với thông tin dạng giấy	Đối với thông tin dạng số
I	Hồ sơ tài liệu đất đai					
1	Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000
2	Hồ sơ thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại về đất đai	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000
3	Hồ sơ địa chính	01trang	50.000	40.000	50.000	40.000
4	Hồ sơ thống kê đất đai, kiểm kê đất đai	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000
5	Hồ sơ đánh giá đất	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000
6	Hồ sơ thẩm định và bồi thường	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000
7	Hồ sơ chồng ghép quy hoạch chi tiết lên bản đồ địa chính	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000
8	Hồ sơ các dự án khác và đề tài nghiên cứu khoa học về đất đai	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000
9	Số liệu phân hạng, đánh giá đất	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000
10	Số liệu tài liệu thổ nhưỡng	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000
11	Số liệu tài liệu bản đồ đất	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000
12	Số liệu điều tra về giá đất	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000
13	Atlas Đồng Nai	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000

14	Thông tin về giá của thửa đất	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000
15	Thông tin chi tiết của thửa đất	01 trang	50.000	40.000	50.000	40.000
16	Tài liệu kết quả đấu giá quyền sử dụng đất	01 trang	50.000		50.000	
II	Các loại bản đồ					
1	Bản đồ phân hạng đất	01 mảnh	140.000	100.000	140.000	110.000
2	Bản đồ thổ nhưỡng, bản đồ đất	01 mảnh	140.000	100.000	140.000	110.000
3	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất	01 mảnh		100.000		110.000
4	Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất	01 mảnh		100.000		110.000
5	Bản đồ địa chính	01 mảnh	140.000	100.000	140.000	110.000
6	Các loại bản đồ trong Atlas Đồng Nai	01 mảnh	140.000	100.000	140.000	110.000
7	Chồng ghép quy hoạch chi tiết lên bản đồ địa chính	01 mảnh	140.000	100.000	140.000	110.000
8	Bản đồ chuyên đề	01 mảnh	140.000	100.000	140.000	110.000
III	Hồ sơ khác					
1	Cơ sở dữ liệu quản lý đất đai	10 thửa	50.000		55.000	

Ghi chú:

- Mức trên tính cho 01 trang, khi số trang tăng thêm mỗi trang tăng thêm tính bằng 0,11.

- Mức phí tính cho 01 mảnh, khi số mảnh tăng thêm mỗi mảnh tăng thêm tính bằng 0,11.

- Mức phí tính cho 10 thửa, nếu số thửa thay đổi thì mức tính theo tỷ lệ thuận với mức trên.

(Khi tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhân bản, mức thu tính được tính theo Chứng thư thẩm định giá photocopy)

4. Quản lý nguồn thu

Đơn vị thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai được trích để lại 80% (tám mươi phần trăm) trên tổng số tiền phí thu được và nộp vào ngân sách nhà nước 20% (hai mươi phần trăm).

5. Cơ quan thu phí

a) Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai và Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh các huyện, thành phố Long Khánh và Biên Hòa).

b) Trung tâm Công nghệ Thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

c) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, định kỳ hàng năm có đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp cuối năm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 65/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 Quy định về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Đồng Nai khóa ..., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2020 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2020.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể;
- Các Sở, ban, ngành;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án Nhân dân tỉnh;

CHỦ TỊCH

- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND Tỉnh;
- Văn phòng UBND Tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Chánh, Phó văn phòng HĐND;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Đồng Nai, LĐĐN; Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu VT.